

## CÂU GIẢ ĐỊNH VỚI WISH



### A. LÝ THUYẾT

#### 1. Cấu trúc Wish ở hiện tại

Đặc trưng của câu ước là luôn bắt đầu bằng mệnh đề **Chủ ngữ + wish**, theo sau là một mệnh đề giả bày điều ước. Hai mệnh đề này không thể đảo vị trí cho nhau.

#### Cách dùng:

Cấu trúc wish có thể được sử dụng để thể hiện mong ước một điều gì đó không có thật ở hiện tại hoặc giả định một điều trái ngược so với thực tế. Cách dùng này giống với cấu trúc câu điều kiện loại II. Ngoài ra, để nói về điều ước của bản thân, chúng ta có thể thay **I wish** bằng **If only**.

#### Công thức:

- *Khẳng định:*  $S + wish(es) + (that) + S + V-ed$
- *Phủ định:*  $S + wish(es) + (that) + S + not + V-ed$
- *Cấu trúc If only:*  $If\ only + (that) + S + (not) + V-ed$

#### Ví dụ 1:

- Tom **wishes** that he **had** a big house (he does not have a big house, and he wants to).
- I **wish** that we **didn't need** to work today (we do need to work today).
- **If only** that you **lived** close by (you don't live close by).

#### Lưu ý:

- a) Trong các trường hợp trang trọng, ta dùng **were** thay cho **was** trong câu ước. Tuy nhiên cách dùng was cũng được chấp nhận.
  - I **wish** I **were** a boy.
  - She **wishes** she **were** a **rich** person.
- b) Chúng ta có thể sử dụng **could** trong câu **wish** để thể hiện khả năng làm một việc gì đó hoặc khả năng xảy ra điều gì đó.
  - I **wish** that I **could** speak Spanish (but, unfortunately, I can't speak Spanish).
  - I **wish** that we **could** go to the party tonight (unfortunately, we're busy so we can't go).

#### 2. Cấu trúc Wish ở quá khứ

#### Cách dùng:

Cấu trúc wish có thể được sử dụng để thể hiện mong ước, thường là nuối tiếc về một việc không có thật ở quá khứ hoặc giả định điều gì đó trái ngược với quá khứ. Cách dùng này giống với cấu trúc **câu điều kiện loại III**.

#### Công thức:

- *Khẳng định:*  $S + wish(es) + (that) + S + had + V3$
- *Phủ định:*  $S + wish(es) + (that) + S + had\ not + V3$
- *Cấu trúc If only:*  $If\ only + (that) + S + had\ (not) + V3$

#### Ví dụ 2:

- I **wish** that I **had studied** harder at school. (I didn't study hard at school, and now I'm sorry about it).

- I **wish** that I **hadn't eaten** so much yesterday! (But I did eat a lot yesterday. Now I think it wasn't a good idea).
- **If only** that the train **had been** on time. (But unfortunately the train was late, and so I missed my interview).

### 3. Cấu trúc câu Wish ở tương lai

#### Cách dùng:

Cấu trúc wish có thể được sử dụng để thể hiện mong ước một việc nào đó xảy ra hoặc một điều gì đó tốt đẹp trong tương lai.

#### Công thức:

- *Khẳng định:*  $S + wish(es) + (that) + S + would/could + V$
- *Phủ định:*  $S + wish(es) + (that) + S + would/could + not + V$
- *Cấu trúc If only:*  $If only + S + would/could + (not) + V$

#### Ví dụ 3:

- I **wish** that John **wouldn't** busy tomorrow (he is busy tomorrow).
- **If only** he **could take** the trip with me next month.
- She **wishes** we **could** attend her wedding next week.

#### Lưu ý:

- a) Chúng ta **không** dùng wish với những điều có khả năng xảy ra trong tương lai. Thay wish bằng hope.

#### Ví dụ 4:

- I **hope** that you **pass** your exam (NOT: I wish that you passed the exam).
  - I **hope** that Julie **has** a lovely holiday (NOT: I wish that Julie had a lovely holiday).
- b) Chúng ta có thể sử dụng **wish + would** để nói về một điều ta không thích, cảm thấy khó chịu và mong muốn ai đó hoặc điều đó thay đổi trong tương lai. Cấu trúc này không dùng với bản thân và những điều không thể thay đổi (trừ thời tiết).

#### Ví dụ 5:

- I **wish** that the neighbours **would be** quiet! (They are not quiet and I don't like the noise.)
- I **wish** that you **wouldn't smoke** so much! (You do smoke a lot and I don't like it. I want you to change this.)

### 4. Cách dùng khác của wish

#### a) Wish + to V

Ở những trường hợp trang trọng, chúng ta có thể dùng **wish** với động từ nguyên thể để diễn tả mong muốn của bản thân thay cho **would like**. Cấu trúc này không có ở thì hiện tại hoàn thành.

#### Ví dụ 6:

- I **wish to speak** to the headmaster. (This means the same as 'I would like to speak to the headmaster'.)
  - I **wish to go** now.
- b) **Wish + O + to V**

Tương tự như trên, chúng ta dùng **wish** với động từ nguyên thể để thể hiện mong ước ai đó làm điều gì.

**Ví dụ 6:**

- I do not **wish you to** publish this article.
- I **wish these people to** leave.

**c) Wish + O + something:**

Đây là cấu trúc được sử dụng rất nhiều trong các lời chúc, mong muốn ai có được điều gì đó.

**Ví dụ 7:**

- I **wished him a happy birthday.**
- They **wished us Merry Christmas.**

**B. BÀI TẬP****Bài 2: Chọn đáp án đúng**

1. He likes to swim. He wishes he ... near the sea.

- |          |               |
|----------|---------------|
| A. lives | C. had lived  |
| B. lived | D. would live |

2. It's cold today. I wish it ... warmer.

- |             |             |
|-------------|-------------|
| A. is       | C. were     |
| B. has been | D. had been |

3. I wish I ... the answer, but I don't.

- |         |               |
|---------|---------------|
| A. know | C. had known  |
| B. knew | D. would know |

4. She wishes she ... blue eyes.

- |        |               |
|--------|---------------|
| A. has | C. had had    |
| B. had | D. would have |

5. She wishes she ... a movie star.

- |         |             |
|---------|-------------|
| A. is   | C. will be  |
| B. were | D. would be |

6. I have to work on Sunday. I wish I ... have to work on Sunday.

- |           |             |
|-----------|-------------|
| A. don't  | C. won't    |
| B. didn't | D. wouldn't |

7. I wish you ... borrow my things without permission.

- |          |              |
|----------|--------------|
| A. don't | C. shouldn't |
| B. won't | D. wouldn't  |

8. He wishes he ... buy a new car.

- |          |           |
|----------|-----------|
| A. could | C. should |
| B. might | D. would  |

9. She misses him. She wishes he ... her a letter.

- |             |              |
|-------------|--------------|
| A. has sent | B. will send |
|-------------|--------------|

C. would send

D. would have sent

10. I wish I ... help you.

A. can

C. will

B. could

D. would

**ĐÁP ÁN:**

1. B

5. B

9. C

2. C

6. D

10. B

3. B

7. D

4. B

8. A

**Bài 2: Chọn đáp án đúng nhất**

1. I wish I \_\_\_\_\_ you some money for your rent, but I'm broke myself.

A. can lend

C. could lend

B. would lend

D. will lend

2. I wish I \_\_\_\_\_ people with the same interests.

A. meet

C. could meet

B. can meet

D. will meet

3. We all \_\_\_\_\_ it were the weekend tomorrow.

A. think

C. want

B. hope

D. wish

4. My brother wishes he \_\_\_\_\_ English perfectly well.

A. spoke

C. is speaking

B. speaks

D. has spoken

5. Many workers wish that they \_\_\_\_\_ labour contracts with the companies.

A. were signing

C. signed

B. sign

D. were signed

**ĐÁP ÁN:**

1. C

4. A

2. C

5. C

3. D

**Bài 3: Chia động từ trong ngoặc.**

1. I wish we (not have) a test today.

2. I wish these exercises(not be) so difficult.

3. I wish we(live) near the beach.

4. Do you ever wish you(can travel) more?

5. I wish I(be) better at Maths.

6. I wish we(not have to) wear a school uniform.

7. Sometimes I wish I(can fly).

8. I wish we(can go) to Disney World.

**ĐÁP ÁN:**

- |                 |                   |
|-----------------|-------------------|
| 1. didn't have  | 5. were           |
| 2. weren't      | 6. didn't have to |
| 3. lived        | 7. could fly      |
| 4. could travel | 8. could go       |

**Bài 4: Đặt câu với 'wish'**

- I don't have a car.
- I can't play the piano.
- I'm at work.
- It's winter.
- I'm ill.
- I don't have new shoes.
- I can't afford to go on holiday.
- I don't have time to read lots of books.
- I can't drive.
- My laptop is broken.

**ĐÁP ÁN:**

- I wish that I had a car.
- I wish that I could play the piano.
- I wish that I weren't at work.
- I wish that it weren't winter.
- I wish that I weren't ill.
- I wish that I had new shoes.
- I wish that I could afford to go on holiday.
- I wish that I had time to read lots of books.
- I wish that I could drive.
- I wish that my laptop wasn't broken.

**Bài 5: Chia dạng đúng của động từ trong ngoặc**

- I wish I (go)..... to the movie with you.
- I wish I (have)..... day off.
- I wish I (study)..... Latin instead of Greek.
- I wish I (not / spend)..... so much money.
- I wish the weather (be) .....warm, so we could go swimming.
- I wish I (ask)..... him how to get there.
- I wish I (not stay)..... at home.
- I wish I (not/ buy) .....that book.
- I wish I (not/see) .....him.
- I wish I (not/call)..... him a liar.
- I don't have time to go to "High Quality Good Fair ". I wish I (go).....there.

12. The weather is very hot. I wish it (be) ..... cooler.
13. We seldom write to her. I wish we (write) ..... to her more often.
14. John doesn't know how to swim. He wishes he (can) ..... swim.
15. John doesn't buy the book. She wishes she (buy) ..... it.
16. Mai doesn't pass the exam. She wishes she (study) ..... harder.
17. We will not go to Ha Long Bay next week. I wish we (go) ..... there.
18. It is raining now. I wish it (stop) ..... raining soon.
19. My parents are not in now. I wish they (be) ..... at home with us now.
20. I know Nam will not lend me his car . I wish he (lend). ..... it to me.

**ĐÁP ÁN:**

- |                  |                   |                 |
|------------------|-------------------|-----------------|
| 1. could go      | 8. hadn't thought | 15. had bought  |
| 2. had           | 9. hadn't seen    | 16. had studied |
| 3. studied       | 10. hadn't called | 17. would go    |
| 4. hadn't spent  | 11. could go      | 18. would stop  |
| 5. were          | 12. were          | 19. were        |
| 6. had asked     | 13. wrote         | 20. would lend  |
| 7. wouldn't stay | 14. could         |                 |

**Bài 6: Viết lại những câu sau với Wish**

1. I don't know more people.  
→ I wish.....
2. I don't have a key.  
→ I wish.....
3. Ann isn't here.  
→ I wish.....
4. It is cold .  
→ I wish.....
5. I live in a big city (I don't like it).  
→ I wish.....
6. I can't go to the party (and I like it).  
→ I wish.....
7. I have to work tomorrow (I like to stay in bed).  
→ I wish.....
8. I don't get good marks.  
→ I wish.....
9. I'm not lying on a beautiful sunny beach.  
→ I wish.....
10. Hoa and Ba won't go fishing this weekend.  
→ They wish .....

**ĐÁP ÁN:**

1. I wish I knew more people.
2. I wish I had a key.
3. I wish Ann were here.
4. I wish it weren't cold.
5. I wish I lived in the countryside.
6. I wish I didn't have to go to the party,
7. I wish I could stay in bed tomorrow.
8. I wish I had good marks.
9. I wish I was lying on a beautiful sunny beach.
10. They wish Hoa ad Ba would go fishing this weekend.

**Bài 7: Viết lại những câu sau với Wish**

1. I don't have a car.  
→ \_\_\_\_\_
2. I can't play the piano.  
→ \_\_\_\_\_
3. I'm at work.  
→ \_\_\_\_\_
4. It's winter.  
→ \_\_\_\_\_
5. I'm ill.  
→ \_\_\_\_\_
6. I don't have new shoes.  
→ \_\_\_\_\_
7. I can't afford to go on holiday.  
→ \_\_\_\_\_
8. I don't have time to read lots of books.  
→ \_\_\_\_\_
9. I can't drive.  
→ \_\_\_\_\_
10. My laptop is broken.  
→ \_\_\_\_\_

**ĐÁP ÁN:**

1. I wish (that) I had a car.
2. I wish (that) I could play the piano.
3. I wish (that) I weren't at work.
4. I wish (that) it weren't winter.
5. I wish (that) I weren't ill.
6. I wish (that) I had new shoes.
7. I wish (that) I could afford to go on holiday.

8. I wish (that) I had time to read lots of books.
9. I wish (that) I could drive.
10. I wish (that) my laptop weren't broken.

**Bài 8: Cho dạng đúng của động từ trong ngoặc**

1. I wish he ..... here now. (be)
2. She wishes you ..... better. (feel)
3. I wish that you ..... here yesterday. (be)
4. I wish he ..... he work tonight. (finish)
5. We wish you ..... tomorrow. (come)
6. She wishes she ..... the window last night. (open)
7. I wish you ..... earlier yesterday. (leave)
8. We wish they ..... with us last weekend. (come)
9. They wish he ..... with them the next day. (come)
10. They wish we ..... them some food yesterday. (give)
11. We wish you ..... yesterday. (arrive)
12. I wish I ..... the answers. (not lose)
13. You wish you ..... what to do last year. (know)
14. I wish that he ..... us next year. (visit)
15. She wishes that she ..... at home now. (be)
16. I wish I ..... the news. (hear)
17. You wish that he ..... you last week. (help)
18. I wish I ..... the subject more interesting. (find)
19. He always wishes he ..... rich. (be)
20. The boy wishes that he ..... the competition the next day. (win)

**ĐÁP ÁN:**

- |                 |                  |                |
|-----------------|------------------|----------------|
| 1. were         | 8. had come      | 15. were       |
| 2. felt         | 9. would come    | 16. had heard  |
| 3. had been     | 10. had given    | 17. had helped |
| 4. would finish | 11. had arrived  | 18. found      |
| 5. would come   | 12. had not lost | 19. were       |
| 6. had          | 13. had known    | 20. would win  |
| 7. had left     | 14. would visit  |                |

**Bài 9: Chọn dạng đúng của từ trong ngoặc**

1. I'm not tall enough to play volleyball. I wish \_\_\_\_\_ tall and strong. (I/ be)
2. I'm fed up with this rain. I wish \_\_\_\_\_ raining. (it/ stop)
3. My grandparents don't like living in the city. They wish \_\_\_\_\_ in the countryside. (they/ live)
4. It's a difficult question. I wish \_\_\_\_\_ the answer. (I/know)
5. I wish \_\_\_\_\_ here. She'd be able to help us. (Ann/ be)

6. Aren't they ready yet? I wish \_\_\_\_\_ . (they/ hurry up)
7. It would be nice to stay here. I wish \_\_\_\_\_ go now. (we/ not have to)
8. It's freezing today. I wish \_\_\_\_\_ so cold. I hate cold weather. (it/ not be)
9. What's her name again? I wish \_\_\_\_\_ remember her name. (I/ can)
10. You're driving too fast. I wish \_\_\_\_\_ a bit. (you/ slow down)
11. What I said was stupid. I wish \_\_\_\_\_ anything. (I/ not say)
12. I should have listened to you. I wish \_\_\_\_\_ your advice. (I/ take)

**ĐÁP ÁN:**

- |               |                      |                     |
|---------------|----------------------|---------------------|
| 1. I were     | 5. Ann were          | 9. I could          |
| 2. it stopped | 6. they hurried up   | 10. you slowed down |
| 3. they lived | 7. we didn't have to | 11. I hadn't said   |
| 4. I knew     | 8. it weren't        | 12. I had taken     |

**Bài 10: Viết lại những câu sau**

1. Old/ man/ wish/ his/ grandchild/ visit/ him/ more/ often.  
→ \_\_\_\_\_
2. I/ wish/ you/ can/ spend/ more/ time/ on/ study.  
→ \_\_\_\_\_
3. They/ wish/ their/ team/ be/champion.  
→ \_\_\_\_\_
4. I/ wish/ I/ have/ more/ friend/ and/ I/ not/ be/ lonely.  
→ \_\_\_\_\_
5. Mary/ wish/ her/ parents/ not/ have/ go/ on/ business/ trips/ so/ often.  
→ \_\_\_\_\_
6. Many/ people/ wish/ they/ be/ wealthy/ but/ I/ do/ not.  
→ \_\_\_\_\_
7. I/ wish/ my/ mother/ be/ less/ busy/ so that/ she/ have/ more/ time/ for/ me.  
→ \_\_\_\_\_
8. Jim/ wish/ his/ parents/ not/ expect/ too/ much/ from/ him.  
→ \_\_\_\_\_

**ĐÁP ÁN:**

1. The old man wishes his grandchild visited him more often.
2. I wish you could spend more time on study.
3. They wish their team was the champion.
4. I wish I had more friend and I was not lonely.
5. Mary wishes her parents did not have to go on business trips so often.
6. Many people wish they were wealthy but I don't .
7. I wish my mother was less busy so that she had more time for me.
8. Jim wishes his parents did not expect too much from him.